

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020.

Về việc “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xử án gồm:

Chủ tọa phiên tòa- Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Thuận.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2020 “V/v: Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm: 1979 (có mặt).

-**Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn X, xã P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L tự tìm hiểu, quen biết nhau và chung sống với nhau vào 1996 nhưng đến năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian 10 năm gần đây thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L đề dóm, bài bạc và không biết tính toán làm ăn gây ra nợ nần chồng chất nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì con cái nên bà đã cho ông L nhiều cơ hội để làm lại nhưng ông L vẫn không thay đổi. Mỗi khi xảy ra mâu thuẫn thì ông L lại có hành vi đánh đập bà, chính quyền địa phương cũng đã hòa giải nhiều lần. Bà đã bỏ về nhà cha mẹ bà sống từ tháng 01/2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 con chung là Huỳnh Thị Bích H (nữ), sinh ngày: 04/9/1997 và Huỳnh Thị Thu H1 (nữ), sinh ngày 30/01/2006. Nếu ly hôn bà xin được trực tiếp chăm

sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu H1; bà không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà N trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với nhau được.

***Tại bản tự khai, trong phiên hòa giải bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N tự tìm hiểu, quen biết nhau và chung sống với nhau vào 1996 nhưng đến năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian khoảng 10 năm gần đây thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là nợ nần chồng chất nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; việc phát sinh nợ nần là do ông ham chơi và làm ăn thua lỗ gây ra ông cũng đã cố gắng nặn nỉ nhưng vợ không nghe. Nay bà N làm đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý vì vẫn còn thương con, thương vợ ông hứa cố gắng làm ăn để trả hết nợ, xin bà N cho ông một cơ hội để làm lại từ đầu.

Về con chung: có 02 con chung là Huỳnh Thị Bích H (nữ), sinh ngày: 04/9/1997 và Huỳnh Thị Thu H1 (nữ), sinh ngày 30/01/2006. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H1; ông không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 13/5/2020 tại chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương ông L và bà N thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông L gây ra nợ nần dẫn đến bà N phải trả nợ. Vì vậy, ông bà thường xảy ra cãi vã và ông L có hành vi bạo lực đánh bà N chính quyền địa phương cũng biết và đã nhiều lần hòa giải để ông bà hàn gắn lại với nhau nuôi dạy con cái nhưng ông L lại gây ra nhiều nợ hơn nên mâu thuẫn của ông bà ngày càng trầm trọng hơn.

Vụ việc đã được hòa giải nhưng không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về quan hệ hôn nhân bà N được ly hôn với ông L; về con chung giao cháu H1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N chưa yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng : Bị đơn ông Huỳnh Văn L cư trú tại thôn X, xã P, thành phố Ph, Bình Thuận. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Ngô

Thị Hồng N về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Hồng N và ông Huỳnh Văn L là hợp pháp vì ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/2002 ngày 24/8/2002.

Quá trình chung sống của vợ chồng ông L, bà N nhận thấy: Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian 10 năm trở lại đây ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không biết tính toán làm ăn và hay chơi cờ bạc nên dẫn đến nợ nần. Chính quyền địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chung sống nuôi dạy con cái và đã có thời gian hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả, bà N đã từng làm đơn xin ly hôn một lần. Tại phiên tòa, bà N đã xác định có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có hiệu quả, hơn nữa mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì ông L lại có hành vi bạo hành đối với bà.

Ông Huỳnh Văn L cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, do tính tình nóng nảy nên đôi khi ông có đánh đập bà N và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông gây ra nợ nần. Ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ con.

Khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù cả hai bên đã có nhiều biện pháp khắc phục, nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn xảy ra nên bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 01/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù tòa đã kiên trì hòa giải đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, kết quả hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, cũng như biên bản xác minh của chính quyền địa phương. Nhận thấy vợ chồng ông L, bà N có mâu thuẫn xảy ra và thực trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Vì vậy, việc ông L không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ con thì không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà N đã thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cơ sở kết luận yêu cầu ly hôn của bà N là chính đáng, phù hợp với các căn cứ quy định pháp luật.

[3] Về con chung: 02 con chung là Huỳnh Thị Bích H (nữ), sinh ngày: 04/9/1997 và Huỳnh Thị Thu H1 (nữ), sinh ngày 30/01/2006. Ông L và bà N đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu H1. Riêng cháu H đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử, xét thấy hiện cháu Huỳnh Thị Thu H1 (nữ), sinh ngày 30/01/2006 đang sống với bà N, cháu là con gái nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu Thu H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo lợi ích của cháu Thu Hiền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N chưa yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội xét xử không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí :* bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Ngô Thị Hồng N được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

- **Về con chung:** Giao cháu Huỳnh Thị Thu H1 (nữ), sinh ngày 30/01/2006, cho bà Ngô Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà N chưa yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Huỳnh Thị Bích H1 (nữ), sinh ngày: 04/9/1997, đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Ngô Thị Hồng N và ông Huỳnh Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Án phí: Bà Ngô Thị Hồng N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005449 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân :

-Tòa án Tỉnh;

-VKS Tp.Phan Thiết;

-Chi cục THADS Tp. uPhan Thiết;

- UBND xã Phong Nẫm;

-Đương sự;

-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hòa

